

Nội dung bài viết

1. [Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 5: Illiteracy](#)
 1. [A. Reading trang 39 - 40 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 2. [B. Language Focus trang 41 - 42 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 3. [C. Speaking trang 43 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)
 4. [D. Writing trang 43 - 44 SBT Tiếng Anh lớp 11](#)

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 5: Illiteracy

A. Reading trang 39 - 40 SBT Tiếng Anh lớp 11

Part 1. Read the passage and decide whether the statements are true (T) or false (F).
(Đọc đoạn văn và xem khẳng định nào đúng (T), khẳng định nào sai (F).)

Hướng dẫn dịch:

Tại sao nạn mù chữ trở thành 1 vấn đề xảy ra ở nhiều nước như vậy?

Mọi người chỉ ra một số hướng nhìn: một số đổ lỗi cho truyền hình và các phương tiện thông tin đại **chúng**; những người khác nói đó là lỗi của trường. Tuy nhiên, có vẻ như là vấn đề chỉ có duy nhất một nguyên nhân. Nghiên cứu cho thấy rằng nếu như trẻ em không được học những kiến thức cơ bản về đọc và viết **trước** cuối năm 3 tuổi, **chúng** có thể gặp bất lợi trong suốt phần còn lại của cuộc đời. Con người không hoàn thành việc học của mình vì nhiều lý do khác nhau: một số người có vấn đề với việc học vấn do sức khoẻ kém hoặc gặp vấn đề về thị lực hoặc nghe; những người khác đến từ những vùng nghèo khó, nơi mà việc đọc sách có vẻ như xa xỉ hơn là cần thiết, và sách thì bị thiếu.

Ngoài ra, học chữ là một kỹ năng có thể bị "han gi". Nếu nó không thường xuyên được sử dụng, nó có thể bị lãng quên nên rất cần phải được cập nhật và cải thiện liên tục.

Có thể làm gì để nâng cao kỹ năng đọc viết?

Một số dự án đã và đang được thực hiện. Một số trong đó đòi hỏi một mức độ tài trợ cao, những dự án khác thì không chỉ đòi hỏi sự thay đổi thái độ đối với việc học chữ và những người có vấn đề về việc học chữ. Các chương trình giáo dục có tổ chức được tài trợ và điều hành bởi các ngành **công** nghiệp lớn hơn và các **công** ty có ở hầu hết các tiểu bang ở Úc. Các khoá đào tạo có xu hướng cung cấp cho nhân viên trong suốt những giờ làm việc bình thường và không ảnh hưởng đến ngày nghỉ hoặc giờ làm thêm. Và quan trọng nhất, các khóa học được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. **Hiệu quả** đã được ghi nhận bởi cả nhân viên và quản lý.

1. Nhiều quốc gia gặp phải vấn nạn về đọc viết.

2. Tất cả mọi người đổ lỗi cho nhà trường cho vấn đề xóa mù chữ.
3. Mọi người không hoàn thành việc học của họ do một số lý do.
4. Nhiều người quá nghèo để hoàn thành việc học của họ.
5. Mọi người đang thực hiện một số dự án để cải thiện kỹ năng đọc viết.
6. Một số dự án cần một mức độ tài trợ cao.
7. Nhân viên có thể tham dự các khóa học trong giờ làm việc bình thường của họ.

Đáp án:

1. T 2. F 3. T 4. T

5. T 6. T 7. T

Part 2. Read the passage and choose the best option A, B, C or D to complete the following sentences. (Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu **sau**.)

Hướng dẫn dịch:

5 năm **trước**, Rachel Lopez tốt nghiệp Đại học với một tấm bằng về Lịch sử. Hiện tại, **cô** làm việc cho một **công** ty phần mềm lớn. Bây giờ **cô** ấy hai mươi bảy tuổi, Rachel tham gia các buổi học 2 lần 1 tuần **sau** khi tan làm. **Cô** ấy đang học cách sử dụng chương trình máy tính PowerPoint. Rachel nói: "Tôi thích học đại học, nhưng **công** việc của tôi không sử dụng những gì mình học được ở trường." Rachel nói: "Khóa học này giúp tôi làm tốt hơn **công** việc của mình. Trong tương lai, tôi có thể trở lại trường và có bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh."

Trong quá khứ, khi sinh viên tốt nghiệp đại học và có việc làm, họ thường ngừng học hỏi. Ngày nay, việc học tập suốt đời ngày càng trở nên phổ biến. Ở **Hoa Kỳ**, mọi người có thể trở lại trường học vào cuối những năm 20, 30 tuổi hay hơn thế để có tấm bằng cao hơn, chẳng hạn như thạc sĩ hoặc tiến sĩ giống như Rachel, nhiều người đang tham gia các khóa đào tạo để nâng cao kỹ năng làm việc của họ. Với nhiều lớp học hiện nay có sẵn thông qua Internet, nó dễ dàng hơn cho mọi người để có được trình độ học vấn cao hơn bằng cách học tập từ xa.

Câu hỏi:

1. Rachel Lopez tốt nghiệp đại học khi **cô** _____.

- A. 27 tuổi B. 25 tuổi C. 22 tuổi D. 31 tuổi
2. **Cô** ấy đang học cách sử dụng chương trình máy tính PowerPoint vì _____.
- A. đó là một phần của khóa học MBA của **cô**
- B. **cô** rất thích việc học Đại học
- C. **cô** ấy làm việc cho một **công** ty lớn
- D. nó giúp **cô** ấy trong **công** việc của mình
3. Trong quá khứ, học sinh ngừng học hỏi khi họ _____.
- A. có bằng cấp cao hơn
- B. có bằng cấp và một **công** việc
- C. cải thiện kỹ năng nơi làm việc của họ
- D. rời đại học
4. Bây giờ mọi người dễ dàng nhận được bằng cấp cao hơn bởi _____.
- A. tham dự các lớp học từ xa qua Internet
- B. cải thiện kỹ năng nơi làm việc của họ
- C. tham dự các lớp học ở trường
- D. có một khóa học toàn thời gian tại một trường đại học

Đáp án:

1. C 2. D 3. B 4. A

B. Language Focus trang 41 - 42 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Below are the transcriptions of some words. Write the orthographic forms of the words. (Dưới đây là cách đọc một số từ. Viết dạng đúng của các từ.)

Đáp án:

1. problem 2. prescription 3. bloody
4. blanket 5. breakdown 6. player

Dịch:

1. vấn đề 2. đơn thuốc/ quy tắc 3. dính máu
4. chăn, mền 5. sự thất bại/hư hỏng 6. người chơi

Exercise 2. Choose the best option A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress. (Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để chọn ra từ có trọng âm khác với các từ còn lại.)

Đáp án:

1. D 2. C 3. A 4. B 5. C

Giải thích:

1. D. Trọng âm 1, các từ còn lại trọng âm 2.
2. C. Trọng âm 1, các từ còn lại trọng âm 2.
3. A. Trọng âm 2, các từ còn lại trọng âm 1.
4. B. Trọng âm 2, các từ còn lại trọng âm 1.
5. C. Trọng âm 1, các từ còn lại trọng âm 2.

Exercise 3. Choose one of the verbs in the box to report each of the sentences below. One has been done for you as an example. (Chọn một động từ trong khung để tường thuật lại các câu dưới đây. Câu đầu tiên được hoàn thành làm ví dụ cho em.)

Example:

I can't tell you how important it is for you to give up smoking.

⇒ He urged me to give up smoking.

Đáp án:

1. He begged me to lend him some money.

2. The teacher told us to give him our homework.

3. He asked us not to smoke in his car.

4. My dad promised to buy her an ice – cream.

Hướng dẫn dịch:

1. Ông ấy đã cầu xin tôi cho mượn một ít tiền.

2. Giáo viên nói với **chúng** tôi giao cho cậu ấy bài tập về nhà của **chúng** tôi.

3. Anh ấy yêu cầu **chúng** tôi không hút **thuốc** trong xe.

4. Bố tôi hứa sẽ mua cho **cô** ấy một cây kem.

Exercise 4. Put the sentences into reported speech. (Viết lại các câu **sau** thành câu gián tiếp.)

Example:

“Please keep quiet!” the librarian said.

The librarian told them to keep quiet.

Đáp án:

1. Jane promised not to do it again.

2. Nam asked Lan to lend him her bicycle for a day.

3. Ha invited Mai to go with her to the market.

4. The doctor advised him to take those medicines and go to bed early.

5. His daddy told him to stop smoking.

6. Hoa said (that) Nam was a teacher of Chinese.

7. He told them not to speak loudly.

8. John promised to come back soon.

9. She ordered them to go out and leave her alone.

Hướng dẫn dịch:

1. Jane đã hứa sẽ không làm điều đó một lần nữa.
2. Nam đã hỏi Lan cho anh ấy mượn xe đạp trong một ngày.
3. Hà đã mời Mai đi cùng **cô** ấy ra chợ.
4. Bác sĩ đã khuyên anh ta uống những loại **thuốc** đó và đi ngủ sớm.
5. Bố anh ấy đã bảo anh ấy ngừng hút **thuốc**.
6. Hoa đã nói (rằng) Nam là một giáo viên tiếng Hoa.
7. Anh ấy đã bảo họ đừng nói quá to.
8. John đã hứa sẽ sớm quay lại.
9. **Cô** ấy đã bảo họ đi ra ngoài và để **cô** ấy ở một mình.

C. Speaking trang 43 SBT Tiếng Anh lớp 11

Which ideas do you think true or not true to your experiences? Fill in the table with T for true and NT for not true. Then ask two of your friends-which ones they think true or not true to them. (Ý kiến nào bạn nghĩ là đúng hay không đúng với mình? Điền T với những ý kiến bạn cho là đúng. NT với những câu bạn cho là không đúng. **Sau đó** hỏi 2 người bạn của mình xem họ nghĩ là đúng hay không đúng.)

Hướng dẫn dịch:

Bạn học **hiệu quả** nhất khi

Bạn	Người bạn 1	Người bạn 2
-----	-------------	-------------

1. bạn được đối xử như một cá nhân với cả điểm mạnh lẫn điểm yếu
2. bạn được động viên để đặt ra những mục tiêu thực tế cho việc học của mình
3. bạn có thái độ tích cực về bản thân lẫn người khác
4. việc học của bạn được tập trung vào những kỹ năng cuộc sống quan trọng như giao tiếp, xây dựng lòng tự trọng và tự tin
5. bạn có khả năng học hỏi từ thất bại

6. các giáo viên của bạn được khuyến khích và hứng thú với việc bạn đang làm

7. bạn có khả năng quản lý thời gian của mình

Mẫu:

You	Friend 1	Friend 2
1. you are treated as individual with both your strengths and weaknesses	T	T
2. you are encouraged to set realistic goals for your own learning	T	T
3. you have positive attitude towards yourself and others	F	F
4. your learning is centered on important life skills such as communication, building self-esteem and self-confidence	F	T
5. you have the ability to learn from failure	T	T
6. your teachers are motivated and interested in what you are doing	F	F
7. you are able to manage your time	T	T

D. Writing trang 43 - 44 SBT Tiếng Anh lớp 11

Exercise 1. Complete the sentences below with the information from the table. (Hoàn thành các câu dưới đây với các thông tin cho trong bảng.)

Đáp án:

- 1. 53 per cent 2. 90 per cent 3. 88 per cent
- 3. high 5. the highest 6. the same

Hướng dẫn dịch:

- 1. Ở Campuchia, 53% đàn ông có thể đọc và viết, nhưng chỉ 24% phụ nữ biết chữ.
- 2. Ở Trung Quốc, những con số cao hơn nhiều đối với cả đàn ông và phụ nữ với tỉ lệ lần lượt là 90% và 80%.
- 3. Malaysia và Phi-líp-pin xếp hạng thấp hơn một **chút** so với Trung Quốc với đàn ông là 88%, nhưng họ có tỉ lệ cao hơn đối với phụ nữ đó là 83%.

4. Thái Lan có tỉ lệ biết chữ cao với 95% đàn ông và 92% phụ nữ.
5. Việt Nam đạt tỉ lệ cao nhất với 96% ở đàn ông, nhưng tỉ lệ 90% ở phụ nữ thì thấp hơn so với Thái Lan.
6. Malaysia và Phi-líp-pin có những con số thống kê giống hệt nhau.

Exercise 2. Write a paragraph of about 120 words, describing the information in the table in Exercise 1. (Viết 1 đoạn văn khoảng 120 từ, miêu tả các thông tin có trong bảng ở Bài tập 1.)

Bài mẫu:

In Cambodia, 53 percent of males can read and write, but this number for females are only 24 per cent. In China, the statistics are much higher for both males and females with the proportion of 90 percent and 80 per cent respectively. Malaysia and Philippines hold a slightly lower position compared to China for males with 88 percent, but they have a higher percentage for females of 83 per cent. Thailand has a high number of literacy with 95 per cent for males and 92 per cent for females. Vietnam has the highest ranking for males with 96 per cent, but the figure of 90 per cent for females is lower than that of Thailand. Malaysia and Philippines share exactly the same rates.

Hướng dẫn dịch:

Ở Campuchia, 53% đàn ông có thể đọc và viết, nhưng con số này ở phụ nữ chỉ là 24%. Ở Trung Quốc, những con số thống kê cao hơn nhiều đối với cả đàn ông và phụ nữ với tỉ lệ lần lượt là 90% và 80%. Malaysia và Phi-líp-pin nắm giữ vị trí thấp hơn một **chút** so với Trung Quốc với đàn ông là 88%, nhưng họ có tỉ lệ cao hơn đối với phụ nữ đó là 83%. Thái Lan có tỉ lệ biết chữ cao với 95% đàn ông và 92% phụ nữ. Việt Nam đạt tỉ lệ cao nhất với 96% ở đàn ông, nhưng tỉ lệ 90% ở phụ nữ thì thấp hơn so với Thái Lan. Malaysia và Phi-líp-pin cùng có những con số thống kê giống hệt nhau.